



Long công ty Bảo đảm an toàn
hàng hải miền Nam
office@vms-south.vn
19-11-2020 09:19:09 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 263 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 11 năm 2020

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước bến, vũng quay trở tàu và tuyến
luồng vào cảng Tân cảng Giao Long

BTE - 02 - 2020

Vùng biển: Tỉnh Bến Tre.

Tên luồng: Luồng hàng hải chuyên dùng vào cảng Tân cảng Giao Long.

Căn cứ Đơn đề nghị số 016/ĐĐN-TCGL ngày 12/11/2020 của Công ty cổ phần Tân cảng Giao Long về việc đề nghị công bố thông báo hàng khu nước trước bến, vũng quay trở tàu và tuyến luồng vào cảng Tân cảng Giao Long kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu TCGL_2011_01, TCGL_2011_02, tỷ lệ 1/1000; bình đồ rà quét chướng ngại vật ký hiệu RQ.TCGL_2011_01, RQ.TCGL_2011_02, tỷ lệ 1/1000 do Xi nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 11 năm 2020 và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cầu cảng 3.000 DWT và cầu cảng sà lan 500T, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
M-3	10°18'42,8" N	106°25'37,4" E	10°18'39,1" N	106°25'43,9" E
M-2	10°18'41,8" N	106°25'39,1" E	10°18'38,1" N	106°25'45,6" E
T-1'	10°18'41,7" N	106°25'39,8" E	10°18'38,1" N	106°25'46,3" E
K-1'	10°18'41,0" N	106°25'41,0" E	10°18'37,4" N	106°25'47,5" E
K-2	10°18'42,2" N	106°25'41,7" E	10°18'38,6" N	106°25'48,2" E
K-2'	10°18'44,3" N	106°25'38,4" E	10°18'40,6" N	106°25'44,8" E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 1,3m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến sà lan <500T, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
GL-1'	10°18'44,7" N	106°25'34,4" E	10°18'41,0" N	106°25'40,8" E
M-3	10°18'42,8" N	106°25'37,4" E	10°18'39,1" N	106°25'43,9" E
K-2'	10°18'44,3" N	106°25'38,4" E	10°18'40,6" N	106°25'44,8" E
K-6	10°18'46,2" N	106°25'35,3" E	10°18'42,5" N	106°25'41,7" E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt -0,8m (cao hơn mực nước số "0" Hải đồ).

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước tiếp giáp luồng chuyên dùng, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
K-2	10°18'42,2" N	106°25'41,7" E	10°18'38,6" N	106°25'48,2" E
K-3	10°18'42,4" N	106°25'43,1" E	10°18'38,7" N	106°25'49,5" E
K-4	10°18'44,4" N	106°25'39,4" E	10°18'40,7" N	106°25'45,8" E
K-5	10°18'48,5" N	106°25'39,9" E	10°18'44,9" N	106°25'46,4" E
K-6	10°18'46,2" N	106°25'35,3" E	10°18'42,5" N	106°25'41,8" E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 4,1m.

4. Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải chuyên dùng rộng 70m, tọa độ tim tuyến luồng vào cảng được xác định bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
TL-1	10°18'56,0" N	106°26'15,5" E	10°18'52,3" N	106°26'21,9" E
TL-2	10°18'57,8" N	106°26'08,3" E	10°18'54,2" N	106°26'14,8" E
TL-3	10°18'57,5" N	106°26'05,0" E	10°18'53,8" N	106°26'11,4" E
TL-4	10°18'56,0" N	106°26'01,1" E	10°18'52,4" N	106°26'07,6" E
TL-5	10°18'48,8" N	106°25'47,9" E	10°18'45,1" N	106°25'54,3" E
TL-5'	10°18'47,7" N	106°25'45,8" E	10°18'44,0" N	106°25'52,2" E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 4,7m.

5. Trong phạm vi khảo sát vùng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn đường kính D=220m, tâm VQ tại vị trí có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
VQ	10°18'45,9" N	106°25'42,6" E	10°18'42,3" N	106°25'49,1" E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 4,7m.

6. Trong phạm vi khảo sát rà quét chương ngại vật được giới hạn bởi các điểm có tọa độ nêu trên không phát hiện chương ngại vật nguy hiểm.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty cổ phần Tân cảng Giao Long ⁽¹⁾.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, HTQT&QLHT, KT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH_{Năng}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Đức Thi

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo:

- | | | | |
|----|--|----|---|
| 1 | Bộ Tư lệnh Hải quân | 13 | Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) |
| 2 | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 14 | Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) |
| 3 | Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 15 | Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart) |
| 4 | Cục Cảnh sát biển | 16 | Cty Vận tải xăng dầu đường biển |
| 5 | Chi Cục đường sông phía Nam | 17 | Cty Vận tải Thủy Bắc |
| 6 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 18 | Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I |
| | - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP) | 19 | Cty Vận tải biển Sài Gòn |
| | - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 20 | Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM |
| | - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) | 21 | Cảng Sài Gòn |
| | - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) | 22 | Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| | - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping) | 23 | Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ |
| | - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam | 24 | XN Khảo sát hàng hải miền Nam |
| 7 | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 25 | XN Tàu dịch vụ dầu khí |
| 8 | Tổng Cty Hàng hải Việt Nam | 26 | XN Liên doanh dầu khí Việt Xô |
| | - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO) | 27 | CNI – Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam |
| | - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC) | 28 | Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng |
| | - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 29 | Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I |
| | - Cty CP Hàng hải Đông Đô (Dong Do MARINE) | 30 | Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng |
| | - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON) | 31 | Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu |
| | - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang | 32 | Sở GTVT & Sở NN&PTNN Tỉnh Tiền Giang |
| 9 | Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) | 33 | Công ty cổ phần Tân cảng Giao Long |
| 10 | Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh | | |
| 11 | Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh | | |
| 12 | Bộ đội biên phòng thành phố Hồ Chí Minh | | |



CẢNG TÂN CẢNG GIAO LONG

BẾN SÀ LAN NHỎ HƠN 500T

CÁU CẢNG SÀ LAN 500T

CÁU CẢNG 3.000 DWT

Kinh tuyến trục 106 độ, mũi chiều 3 độ

QUỐC LỘ 19

Vị trí độ sâu khu nước trước Tân Cảng Giao Long

Kèm theo TBHH số: 265 /TBHH-TCTBDAT-HMN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu TCGL_2011_01, tỷ lệ 1/1.000